

MỤC LỤC

Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên chủ cơ sở.....	6
2. Tên cơ sở.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	8
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước.....	12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	15
Chương II.....	17
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	17
Chương III.....	19
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	19
1.3. Xử lý nước thải.....	20
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	26
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	28
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	29
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	30
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	31
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	32
Chương IV.....	33
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	33
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	34
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	34
Chương V.....	35
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	35
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	35
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	36
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.....	36
Chương VI.....	37
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	37

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	37
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	37
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	38
Chương VII.....	39
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI	
VỚI CƠ SỞ.....	39
Chương VIII.....	40
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	40
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	41

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu ôxi sinh hóa.
BTCT	: Bê tông cốt thép
BYT	: Bộ y tế.
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường.
COD	: Nhu cầu ôxi hóa
DxRx C	: Dài x Rộng x Cao
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường.
ĐTXD	: Đầu tư xây dựng
HTXL	: Hệ thống xử lý
NĐ-CP	: Nghị định - chính phủ.
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy.
QĐ	: Quyết định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam.
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy ban nhân dân.

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1: Tọa độ vị trí khu đất Khách sạn MêKông - Mỹ Tho	7
Bảng 1. 2: Danh mục máy móc thiết bị của Khách sạn MêKông - Mỹ Tho	9
Bảng 1. 3: Nhu cầu sử dụng điện	13
Bảng 1. 4: Nhu cầu sử dụng nước	13
Bảng 1. 5: Nhu cầu sử dụng vật tư, hóa chất	13
Bảng 3. 1: Kích thước xây dựng của các bể trong hệ thống xử lý nước thải.....	24
Bảng 3. 2: Danh sách các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải	25
Bảng 3. 3: Danh sách các thiết bị trong hệ thống xử lý khí thải	28
Bảng 4. 1: Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm xin cấp phép.....	33

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1: Vị trí Khách sạn Mêkông – Mỹ Tho.....	6
Hình 1. 2: Sơ đồ tổ chức của Khách sạn MêKông - Mỹ Tho	15
Hình 3. 1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa.....	19
Hình 3. 2: Cấu tạo hầm tự hoại	21
Hình 3. 3: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải	22
Hình 3. 4: Quy trình hoạt động của hệ thống xử lý khí thải	27

Chương I

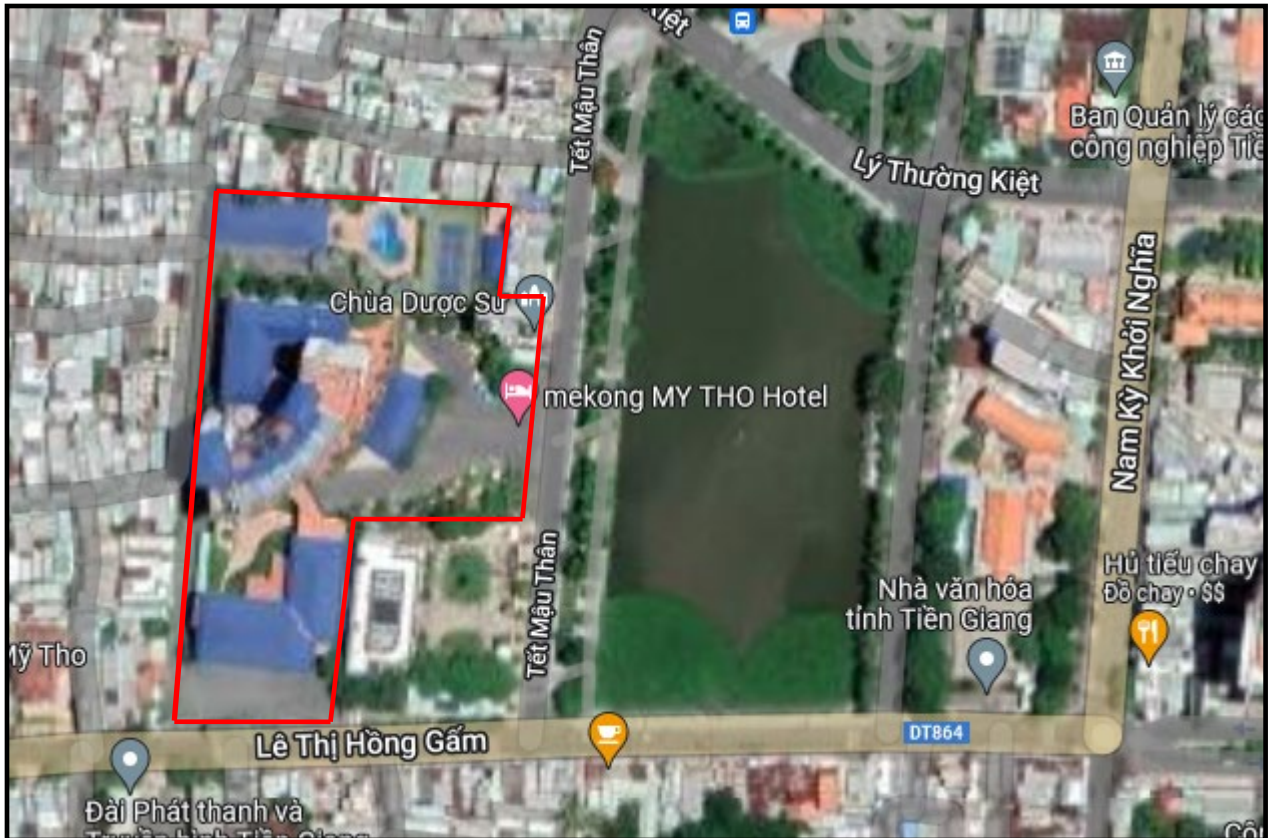
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Du lịch Mêkông – Mỹ Tho;
- Địa chỉ văn phòng: Số 1A, Tết Mậu Thân, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Người đại diện theo pháp luật: Huỳnh Thị Thu Hiền;
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0273.3887.777;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Mã số doanh nghiệp: 1200655742; đăng ký lần đầu ngày 04/7/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 8: ngày 18/3/2020 do Phòng Đăng Ký Kinh Doanh – Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tiền Giang cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở : Khách sạn MêKông – Mỹ Tho;
- Địa điểm cơ sở: Số 1A, Tết Mậu Thân, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang;



Hình 1. 1: Vị trí Khách sạn Mêkông – Mỹ Tho

Khách sạn MêKông - Mỹ Tho được xây dựng tại thửa đất số 208, tờ bản đồ số 14 thuộc Khu phố 8, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; có vị trí địa lý như sau:

- Phía Đông : giáp đường Tết Mậu Thân, khu nhà dân và đất thư viện;
- Phía Tây : giáp Hẻm công cộng và khu nhà dân;
- Phía Nam : giáp đường Lê Thị Hồng Gấm;
- Phía Bắc : giáp khu nhà dân.

Bảng 1. 1: Tọa độ vị trí khu đất Khách sạn MêKông - Mỹ Tho

Số hiệu mốc	Tọa độ (VN 2000, múi chiếu 6°, Tiền Giang)	
	X (m)	Y (m)
1	1144615	566424
2	1144784	566436
3	1144778	566525
4	1144749	566523
5	1144746	566543
6	1144679	566523
7	1144673	566484
8	1144614	566477

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Giấy phép xây dựng số 14/GPXD do Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/11/2008;

+ Giấy phép xây dựng số 21/GPXD-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/12/2014.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của dự án “ Khách sạn Mêkông – Mỹ Tho

+ Giấy phép xả thải số 32/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/2/2017.

- Quy mô của cơ sở: Dự án có vốn đầu tư 338.305.000.000 đồng (338,305 tỷ đồng); theo tiêu chí quy định của Pháp luật về Đầu tư công cơ sở thuộc lĩnh vực

quy định tại khoản 5 Điều 8, có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng nên thuộc dự án nhóm B theo Luật đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Loại hình sản xuất, kinh doanh: Khách sạn Mê Kông – Mỹ Tho cung cấp các dịch vụ: Nhà hàng, khách sạn, dịch vụ thương mại, vui chơi, giải trí, thể thao...

- Đối tượng kinh doanh: là khách du lịch và người dân địa phương.

- Diện tích sử dụng đất là 14.464,1 m²; trong đó:

+ Diện tích cây xanh: 4.322 m².

+ Diện tích sân bãi, giao thông: 3.372 m².

+ Diện tích sân tennis: khoảng 700 m².

+ Diện tích chiếm đất xây dựng: 5.756 m².

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 2.2379 m².

- Quy mô dự án: khách sạn cao 09 tầng + 01 sân thượng. Bao gồm văn phòng, nhà hàng, khách sạn, các khu phụ trợ cho thuê mặt bằng kinh doanh, thương mại dịch vụ... Các khu được chia như sau:

a. Khu sảnh lễ tân: tại tầng trệt

Gồm đại sảnh, khu cafe ăn sáng, khu văn phòng khách sạn, các văn phòng đại diện du lịch, bussiness center, khu kế toán + thủ quỹ, khu triển lãm.

b. Khối ngủ: 113 phòng bố trí tại các tầng từ tầng 4 đến tầng 8.

Tại mỗi tầng đều được bố trí 22 phòng với 01 phòng suite; 14 phòng loại 1; 07 phòng loại 2; 01 phòng loại 3 dành cho nhân viên hướng dẫn và lái xe. Riêng tại tầng 8 có 20 phòng gồm: 01 phòng President suite dành cho các vị khách đặc biệt; 12 phòng loại 1; 06 phòng loại 2; 01 phòng loại 3.

Tại mỗi tầng đều có bố trí 01 phòng trực tầng.

Khối ngủ bố trí 03 thang máy phục vụ khách, 01 thang phục vụ nội bộ và hệ thống gom rác.

c. Khu phòng ăn khách sạn 260 chỗ: tại lầu 2

Gồm có nhà hàng phục vụ ăn Á (160 chỗ), phục vụ ăn Âu (50 chỗ), phòng ăn Vip (50 chỗ).

d. Khu nhà hàng tiệc cưới 1200 chỗ: tại tầng 1 và tầng 2

Tại tầng 01 (sức chứa 800 chỗ) có thể chia thành 02 không gian riêng biệt có sảnh và hành lang, phòng cô dâu, vệ sinh đón khách riêng biệt.

Tại tầng 2 (sức chứa 400 chỗ) có bố trí sảnh và hành lang đón khách.

e. Khu Massage: tại khu dịch vụ thường tầng trệt

Gồm có phòng Sauna, Steambath, Jacuzzi và 16 phòng massage, ngoài ra

có 06 phòng Vip với đầy đủ hệ thống xông hơi, bồn tắm nằm riêng biệt.

Phòng massage chân và phòng thư giãn.

f. Khu vũ trường, karaoke, bar: tại khu dịch vụ

Vũ trường có sức chứa 150 chỗ;

Không gian Bar giải khát phục vụ riêng biệt với sức chứa 125 chỗ;

Có 05 phòng phục vụ karaoke (diện tích 25m²/ phòng).

g. Khu hồ bơi ngoài trời: tại khu phía sau

Hồ bơi 160m² có phòng gửi đồ, vệ sinh thay đồ riêng biệt.

h. Khu shop phục vụ: tại tầng trệt

Gồm 14 quầy shop phục vụ kinh doanh dịch vụ.

i. Khu sân thượng

Gồm nhà hàng cafe giải khát có mái che (120 chỗ), ngoài trời (120 chỗ), Phòng ăn Vip (50 chỗ).

Ngoài ra có Phòng tập thể dục phục vụ cho khách nghỉ tại khách sạn

j. Khu sân Tennis:

Đặt tại vị trí góc phải khu đất, thuận tiện cho việc phục vụ nhu cầu khách nghỉ tại khách sạn cũng như có thể phục vụ nhu cầu người dân bên ngoài.

Có nhà phục vụ và vệ sinh riêng biệt.

k. Khu nhân viên phục vụ và kho

Được bố trí tại các tầng thuận tiện cho việc phục vụ gồm các kho (kho tươi, kho lạnh, kho bia rượu, kho khô, kho vật dụng...)

l. Khu giặt ủi và bảo trì

Lầu 1: Gồm bếp chính, phòng soạn chia, phòng bếp trưởng

Lầu 2: Các bếp Âu, Á, phòng nhân viên giao ca.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Khách sạn MêKông - Mỹ Tho sử dụng công nghệ, nội thất và thiết bị thông minh kết nối nhanh, dễ dàng với chỉ dẫn đơn giản:

- Hệ khóa cửa tích hợp với hệ thống điều khiển trong phòng (đóng mở cửa sẽ tự động tắt bật ánh sáng);

- Hệ thống đèn cảm biến tự bật khi khách tiếp cận;

- Dụng cụ điều khiển các thiết bị trong phòng;

- Hệ thống nội thất tiện nghi, hiện đại chắc chắn, ưu tiên đúc nguyên khối các thiết bị trong phòng.

Bảng 1. 2: Danh mục máy móc thiết bị của Khách sạn MêKông - Mỹ Tho

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
I	KHU NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN		
1	Bàn họp phòng họp nội bộ	cái	1

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
2	Bàn lạnh 2 cánh kính	cái	2
3	Bàn lạnh 2 cánh	cái	2
4	Bảng Led P3 indoor Full Color	bộ	1
5	Cáp âm thanh, thiết bị phụ	bộ	2
6	Đường ống gió	bộ	1
7	Ghế salon da phòng Pre 2400*850*850	cái	1
8	Ghế sofa 6 chỗ 4500*800*850	bộ	3
9	Hệ thống Camera quan sát bổ sung	bộ	1
10	Hệ thống gas	cái	2
11	Máy chạy bộ Alibaba New	cái	1
12	Máy chạy bộ BK2020	cái	2
13	Máy chủ IBM System X3650M5	bộ	1
14	Máy giặt thảm tự động BR30/15C	cái	2
15	Máy giặt vắt công nghiệp	cái	2
16	Máy làm đá viên ACM 106AS	cái	1
17	Máy phát điện 1000 kVA/800 KW	cái	1
18	Máy photocopy	cái	1
19	Máy sấy công nghiệp	cái	2
20	Máy ủi drap 2 m	cái	1
21	Motor, quạt hút 15HP, 20HP	cái	2
22	Ốp cửa phòng họp hội trường khu B	bộ	1
23	Phần mềm quản lý khách sạn EZCloud	bộ	1
24	Phần xây dựng và lắp đặt thiết bị	gói	1
25	Quầy đảo nhà hàng buffet lầu 2	cái	2
26	Sân khấu nhà hàng tiệc cưới	cái	2
27	TB âm thanh Ampli , Loa sub đôi, đơn	Bộ	11
28	TB âm thanh Mixer	Bộ	2
29	TB Storwize V3700 2.5 inch	cái	1
30	Thiết bị SX nước CO2, 141x141x61 mm	cái	6
31	Trạm biến áp 1250 KVA	bộ	1
32	Tranh cát Lãng hoa 120x80x2 cm	cái	2
33	Tủ quần áo phòng president	cái	1
34	Tủ trưng bày bánh	cái	2
35	Tường lửa Fortigate 100D-BDL	cái	1
36	Tủ ủ bột	cái	1
37	Tủ mát 4 cánh Asber	cái	4
38	Tủ hấp nướng đa năng BX61E	cái	1
39	Tủ đông 4 cánh Asber	cái	2
40	TB nướng than FAGOR	cái	1
41	TB chiên nhúng điện đôi	cái	1
42	TB chiên bề mặt	cái	1
43	Máy trộn bột	cái	2

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
44	Máy rửa chén PT500	cái	2
45	Máy nướng bánh mì	cái	1
46	Máy làm đá viên ACM 106AS	cái	1
47	Lò nướng điện 2 tầng	cái	1
48	Kho mát bếp L0	cái	2
49	Kho đông bếp L0	cái	2
50	Máy photocopy Ricoh M2701	cái	1
51	Máy tính xách tay Assus K555L	cái	2
53	Chụp hút khói, thông gió có phin lọc mỡ	cái	3
54	Bếp âu 4 họng có lò nướng	cái	1
55	Bàn salad 3 tầng	cái	7
56	Bàn lạnh 3 cánh	cái	4
II	KHU KARAOKE		
57	Bàn chậu đơn có lỗ xả rác	cái	1
58	Bàn có kệ thanh dưới	cái	3
59	Bàn nước, tam giác, tổ ong	Cái	31
60	Bộ xử lý tín hiệu HNS 9999	Cái	17
61	Bục sân khấu 2400*2400*150	Cái	2
62	Chân đế màn hình cảm ứng	Cái	17
63	Đầu karaoke SK 9018 KTV-W	Cái	17
64	Điện thoại bàn	Cái	1
65	Đôn trang trí phi 500	Cái	1
66	Ghế ngồi kiểu Nhật 600*550*450	Cái	9
67	Ghế sofa 1500*700*1100	Cái	65
68	Ghế trang điểm 450*510*930	Cái	2
69	Kệ đập lỗ 4 tầng		1
70	Khung tranh trang trí treo tường	Tấm	9
71	Laptop Lenovo	Cái	1
72	Loa Full KP, Karaoke, sub điện	Cái	62
73	Main PQM 8, XLI-1500, 2500, 3500	Cái	20
74	Màn hình cảm ứng 19" ST193	Cái	17
75	Máy in	Cái	2
76	Máy quạt Panasonic	Cái	2
77	Mic không dây K900	Cái	34
78	Ổ cứng WD 30EZRX	Cái	17
79	Quạt hút, phụ kiện	Cái	17
80	Quầy Lễ tân	Cái	1
81	Tivi Samsung 60 inch	Cái	27
82	Tủ mát 4 cánh Asber	Cái	1
83	Tủ Pepsi	Cái	2
84	Tủ trang trí	Cái	17

Nguồn: Công ty Cổ phần du lịch Mê Kông - Mỹ Tho, 2022

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Cung cấp điểm dừng chân, nghỉ ngơi có chất lượng cao phục vụ cho ngành du lịch tỉnh nhà Tiền Giang và các tỉnh lân cận.
- Cung cấp khu vui chơi, giải trí, thể thao, hội họp.
- Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho một số đồng bào tại địa phương và các tỉnh lân cận.
- Tạo nguồn thu cho Khách sạn Mê Kông – Mỹ Tho và đóng góp vào ngân sách nhà nước.

*** Tình hình hoạt động của khách sạn hiện tại:**

Khách sạn được xây dựng với qui mô lớn, tiêu chuẩn 4* nhằm phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, ăn uống cho khách du lịch, khách vắng lai và phục vụ hội nghị, tiệc cưới với lượng khách tăng giảm tùy theo mùa (mùa từ tháng 11 đến tháng 3 hàng năm lượng khách đông do nhu cầu tổ chức tiệc cưới và hội nghị); trung bình khoảng: 2.000 – 5.000 lượt khách/tháng. (trong đó trung bình khoảng 07 - 10 tiệc/tháng).

- Tổng số nhân viên: 82 nhân viên.
- Số phòng ngủ hoạt động trung bình: 20 - 30 phòng/ngày, tương đương khoảng 40 – 60 khách/ngày.
- Khách nhà hàng: 100 – 200 khách/ngày.
- Khách cafe, karaoke: 70 – 80 khách/ngày.
- Khách đến chơi tennis: 20 – 30 khách/ngày.
- Các dịch vụ khác như spa, massage... tạm thời không có khách.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước

➤ Nguyên liệu

Khách sạn Mê Kông - Mỹ Tho sử dụng nguyên liệu để phục vụ cho hoạt động của nhà hàng là nguồn thực phẩm trong nước: các loại thực phẩm, hải sản tươi sống, các loại thức uống được thu mua từ các đầu mối, chợ và các cửa hàng, đại lý trên địa bàn thành phố Mỹ Tho và các tỉnh lân cận, cụ thể như sau:

- Thịt (thịt heo, thịt bò, gà, vịt...) khoảng: 500 – 4.000 kg/tháng.
- Hải sản (tôm, cá, mực...) khoảng: 500 – 2.000 kg/tháng.
- Rau, cải, các loại củ quả... khoảng: 3.000 – 5.000 kg/tháng.
- Trái cây theo mùa khoảng: 300 – 800 kg/tháng.

➤ Nhiên liệu

- Gas: Nguồn cung cấp: khách sạn sử dụng nguồn nhiên liệu khí đốt là gas để nấu ăn, được cung cấp từ các đại lý gas trong địa bàn tỉnh. Nhu cầu sử dụng: trung bình 20-30 bình/tháng, loại bình 45 kg.

- Dầu DO: DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng (chỉ hoạt động khi bị mất điện hoặc hệ thống điện của Khách sạn gặp sự cố, định mức tiêu hao của máy phát điện là 75 lít/giờ).

➤ **Điện**

- Nguồn cung cấp: lưới điện Quốc gia.
- Nhu cầu sử dụng: Dùng trong chiếu sáng toàn khách sạn, hệ thống máy điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh, Tivi, quạt máy... tại các phòng ngủ; các máy móc thiết bị dùng trong nhà hàng, phòng hội nghị, nhà bếp...

Bảng 1. 3: Nhu cầu sử dụng điện

STT	Thời gian	Lưu lượng (kWh /tháng)	Lưu lượng trung bình (kWh/ngày)
1	11/4/2022 – 10/5/2022	100.100	3.337
2	11/5/2022 – 10/6/2022	84.200	2.716
3	11/6/2022 – 10/7/2022	102.300	3.410

Nguồn: Công ty Cổ phần du lịch Mê Kông - Mỹ Tho, 2022.

➤ **Nước**

- Nguồn cung cấp: Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Tiền Giang.
- Nhu cầu sử dụng: trung bình từ 40 - 70 m³/tháng, chủ yếu dùng trong sinh hoạt của nhân viên và khách du lịch, hoạt động chế biến thức ăn của nhà hàng, khách sạn, nước cấp cho hồ bơi...

Bảng 1. 4: Nhu cầu sử dụng nước

STT	Thời gian	Lưu lượng (m ³ /tháng)	Lưu lượng trung bình (m ³ /ngày)
1	04/4/2022 – 06/5/2022	1.612	53,7
2	06/5/2022 – 06/6/2022	1.330	42,9
3	06/6/2022 – 06/7/2022	1.572	52,4

Nguồn: Công ty Cổ phần du lịch Mê Kông - Mỹ Tho, 2022

➤ **Hóa chất**

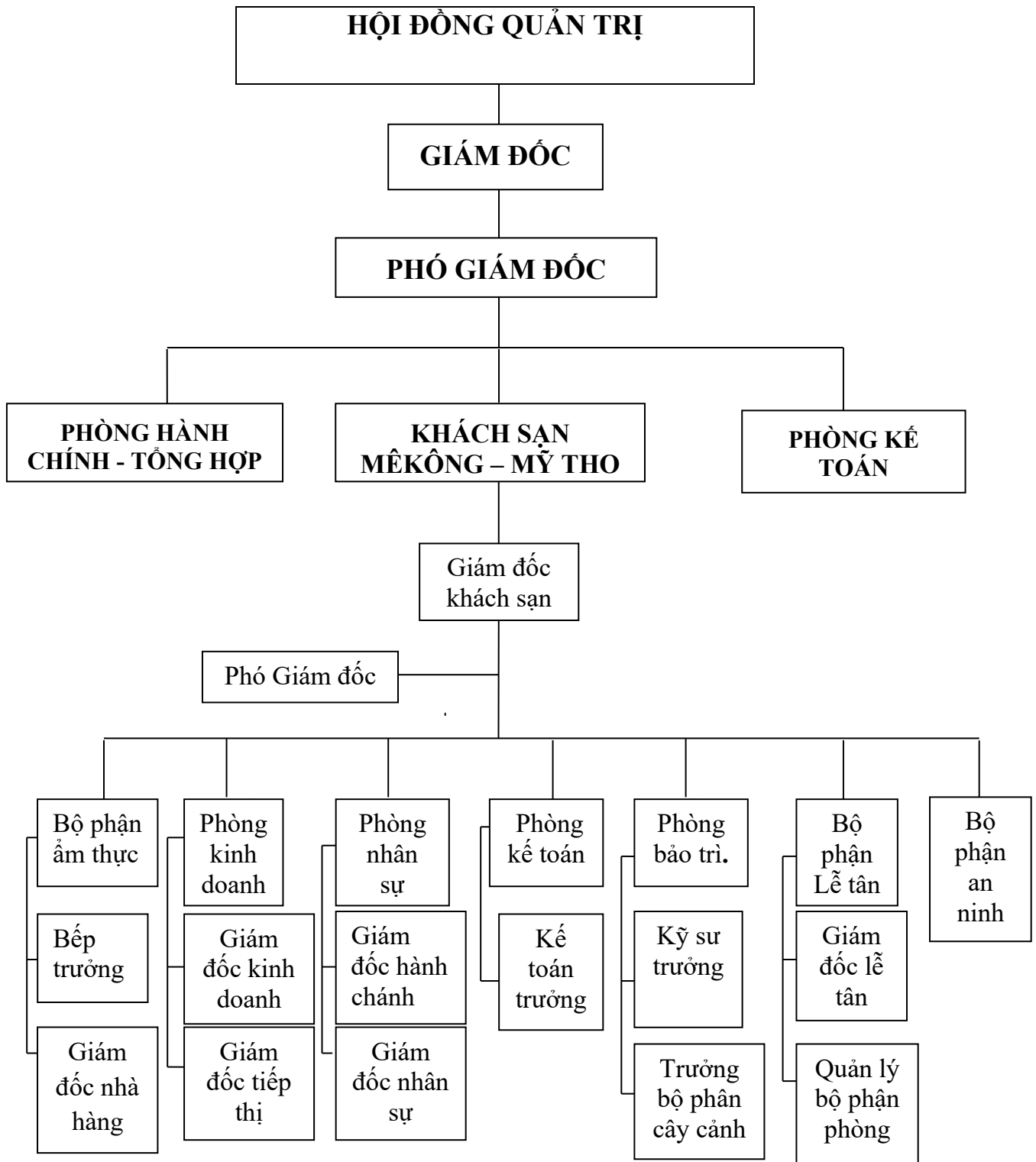
Bảng 1. 5: Nhu cầu sử dụng vật tư, hóa chất

STT	Hóa chất	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nước rửa chén Sunligh	can	Tùy theo
2	Xà bông cục	Hộp	Tùy theo
3	Hồ ủi	kg	Tùy theo
4	Liquid Alkaline W92E chất giặt chính dạng lỏng	Lít	Tùy theo
5	Degreaser L (HC tẩy mỡ trên vải)	Lít	Tùy theo
6	Chất làm mềm vải	Lít	Tùy theo

7	Nước xịt phòng Glade Lavender	Chai	Tùy theo
8	Hóa chất Liquid Alkaline W91E	Lít	Tùy theo
9	Liquid Bleach W94	Lít	Tùy theo
10	Liquid Sour W95E	Lít	Tùy theo
11	Nước rửa tay Lifebouy	can	Tùy theo
12	Nước tẩy quần áo Coop	Chai	Tùy theo
13	Viên tẩy bồn cầu Gift 4x55g	Hộp	Tùy theo
14	Tẩy sét	Lít	Tùy theo
15	Sáp thơm Ami Citrus tmat 200g	Cục	Tùy theo
16	Hóa chất xử lý hồ bơi (Clo 90% dạng bột, 50 kg/thùng)	Thùng	Tùy theo
17	Cồn 70 độ	Lít	Tùy theo
18	Nước tẩy DUCK hương cam quýt 750 ml	Chai	Tùy theo
19	Lau sàn SWAT Chanh Sả 4kg	can	Tùy theo
20	Lau kính SWAT Sắc biển 580ml	Chai	Tùy theo
21	Nước thơm phòng Air Freshener 300ml	Chai	Tùy theo
22	Chất tẩy vết máu - Bloodoff	Lít	Tùy theo
23	Nước giặt Omo cửa trước	Túi	Tùy theo
24	Nước lau sàn Sunlight diên vĩ 550 g	Túi	Tùy theo
25	Dầu gội đầu	Lít	Tùy theo
26	Dầu tắm	Lít	Tùy theo
27	Xịt phòng hương hoa hồng 280ml	Chai	Tùy theo
28	Nước lau sàn Sunlight đánh bay dầu mỡ	can	Tùy theo
29	Nước xả comfor đậm đặc	Túi	Tùy theo
30	Nước tẩy toilet đậm đặc 600ml	Chai	Tùy theo
31	Xịt côn trùng Raid không mùi	Chai	Tùy theo
32	Bột giặt OMO	Bịch	Tùy theo
33	Hóa chất Ware Klean	Thùng	Tùy theo

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Khách sạn Mê Kông - Mỹ Tho trực thuộc Công ty cổ phần Khách sạn Mê Kông - Mỹ Tho; có cơ cấu tổ chức như sau:



Hình 1. 2: Sơ đồ tổ chức của Khách sạn Mê Kông - Mỹ Tho

Ngày 28/9/2015 Khách sạn MêKông - Mỹ đã hoàn thành việc xây dựng 02 Hệ thống xử lý nước thải và đưa vào hoạt động từ tháng 10/2015 với 01 Hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm và 01 Hệ thống xử lý nước thải công suất 160 m³/ngày đêm.

Hệ thống xử lý nước thải có nhiều ưu điểm, tiết kiệm chi phí khi vận hành lâu dài và đảm bảo nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2010/BTNMT, Cột A

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Về quy hoạch ngành du lịch: Khách sạn MêKông - Mỹ Tho phù hợp với Quy hoạch phát triển du lịch Tiền Giang giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1, thuộc nhóm vùng kinh tế - đô thị trung tâm, có vai trò là vị trí trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ của tỉnh Tiền Giang. Thành phố có 11 phường và 06 xã; có sông Tiền và Quốc lộ 1 chạy qua, có Quốc lộ 50 đi về các huyện Gò Công và Tỉnh lộ 864 chạy dọc sông Tiền lên Cai Lậy, Cái Bè. Có Quốc lộ 60 và cầu Rạch Miễu nối thành phố Mỹ Tho với tỉnh Bến Tre. Từ thành phố Mỹ Tho có thể dễ dàng đi bằng đường thủy hay bằng đường bộ lên thành phố Hồ Chí Minh hoặc xuống các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ra biển, hay Thủ đô Phnongpenh (Campuchia). Trong thành phố có con rạch quan trọng là Bảo Định chia thành phố Mỹ Tho thành 2 khu vực tả ngạn và hữu ngạn. Với vai trò và vị trí quan trọng là cầu nối giữa các tỉnh Miền Đông nói chung, thành phố Hồ Chí Minh nói riêng với các tỉnh Miền Tây thì việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ ngành du lịch, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang là phù hợp và rất cần thiết.

- Về quy hoạch xây dựng vùng: Theo Phân viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn miền Nam. Quy hoạch xây dựng vùng TP. Hồ Chí Minh có phạm vi trùng với ranh giới vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Theo đó, Tiền Giang được xác định là hành lang phát triển đô thị phía Tây Nam, là vùng động lực phát triển cấp vùng theo trục thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang kết hợp không gian đô thị - công nghiệp - dịch vụ tổng hợp, công nghiệp chế tác, công nghiệp nhẹ, kỹ thuật cao và hỗ trợ phát triển các công nghiệp chế biến của vùng đồng bằng phía Nam. Tiền Giang trong có điều kiện để phát triển du lịch, dịch vụ nếu phát huy tốt, những điều kiện này sẽ là động lực công nghiệp hóa. Chính vì vậy việc xây dựng khách sạn 4 sao là một trong những mục tiêu mà UBND tỉnh giao Công ty Cổ phần Du lịch MêKông - Mỹ Tho thực hiện.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Trong quá trình hoạt động Khách sạn MêKông - Mỹ Tho chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Đối với nước thải sinh hoạt được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Mỹ Tho nằm trên đường Lê Thị Hồng Gấm.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày và thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý (đính kèm hợp đồng ở phần phụ lục).

- Chất thải rắn nguy hại được thu gom lưu chứa tạm thời trong kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị liên kết là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phú - Đại diện pháp luật: NGUYỄN PHƯƠNG BÌNH có chức năng vận chuyển xử lý.

Do đó đối với những tác động phát sinh từ quá trình thực hiện Khách sạn MêKông - Mỹ Tho và các biện pháp giảm thiểu đang thực hiện thì cơ bản phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

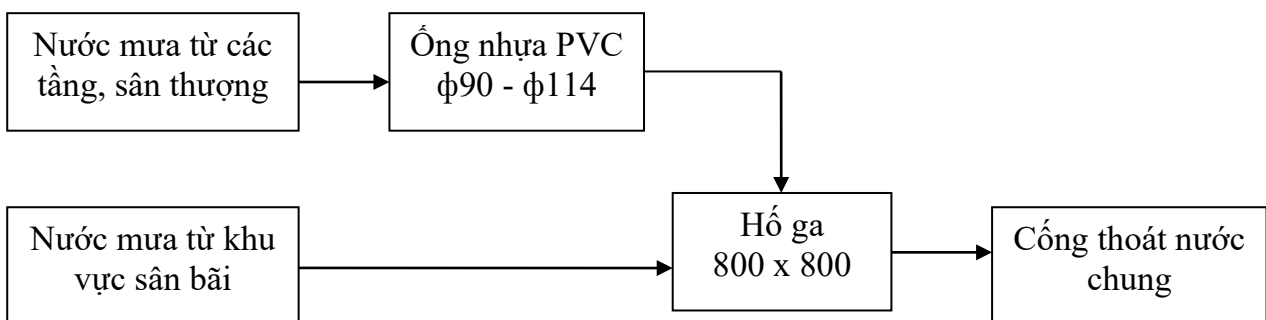
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn: theo quy ước thì nước mưa chảy tràn là loại nước thải sạch có thể thải thẳng ra ngoài môi trường. Do đó nước mưa chảy tràn trên mái và sân thượng của khách sạn được thu gom theo các rãnh và các ống nhánh chạy trong sàn tầng thượng tự chảy xuống sân, rồi thoát tập trung vào các ống dẫn đứng bằng nhựa có đường kính từ $\phi 90$ - $\phi 114$ đặt trong hộp ghen ở phía ngoài khách sạn. Nước mưa chảy tràn được đưa thẳng xuống tầng trệt, chảy vô hệ thống hố ga 800×800 và cống $\phi 500$ thu gom nước mưa tập trung của khách sạn rồi thải vào hệ thống cống thoát nước chung trên đường Lê Thị Hồng Gấm và đường Tết Mậu Thân.



Hình 3. 1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa

Hiện tại hệ thống thoát nước mưa của Khách sạn có khả năng tiêu thoát nước tốt.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

➤ Công trình thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt từ các khu vực phát sinh cũng được thu gom bằng các ống nhánh chạy trong khách sạn rồi dẫn thoát tập trung vào các ống dẫn đứng đặt trong hộp ghen bên ngoài khách sạn. - Nước thải phát sinh tại từng khu vực phát sinh nước thải được thu gom theo đường ống nhựa PVC tùy theo lưu lượng phát sinh mà có đường kính $\phi 60$, $\phi 90$, $\phi 114$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Từ ống đứng nước được đưa vô hầm phân với ống đứng thoát phân; còn ống thoát nước sinh hoạt được đưa thẳng vô hố ga thu nước thải trước xử lý. Từ hầm phân nước được xử lý sơ bộ xong cũng sẽ dẫn thoát chung vào hố ga thu gom nước thải trước xử lý. Sau đó nước thải được xử lý đạt **QCVN 14:2008 BTNMT, cột A**

trước khi thải chung vào hệ thống thoát nước mưa của khách sạn và vào hệ thống cống thoát nước chung của thành phố Mỹ Tho.

- Đối với nước thải từ nhà vệ sinh: các ống dẫn nhánh bằng nhựa PVC đường kính ϕ 114 đối với nước bồn cầu và ϕ 60 đối với nước từ lavabo, tiểu, sàn với độ dốc $i = 0,02$.

- Đối với nước thải từ nhà bếp: các ống dẫn nhánh bằng nhựa PVC đường kính ϕ 60 - ϕ 90.

- Đối với nước thải từ nhà giặt: ống dẫn nhánh bằng nhựa PVC đường kính ϕ 90.

➤ **Công trình thoát nước thải:**

Nước thải sau xử lý từ 02 hệ thống xử lý nước thải tự chảy theo đường ống nhựa HDPE đường kính 500 dài khoảng 10m thải vào 02 hố ga rồi vào hệ thống cống thoát nước chung của thành phố Mỹ Tho trên đường Lê Thị Hồng Gấm.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: 2 Điểm xả nước thải tại 2 hố ga phía sau Khách sạn trên đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm xả có vị trí và thiết kế phù hợp với yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải (đính kèm phụ lục).

1.3. Xử lý nước thải

Nguồn nước thải của khách sạn được chia ra làm 3 nguồn thải chính bao gồm:

- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại để giảm thể tích cặn và các thành phần ô nhiễm trong nguồn nước thải.

- Nước thải nhà bếp: Nước thải được thu gom về hệ thống bể tách mỡ nhằm loại bỏ dầu mỡ thừa để tránh tắc nghẽn đường ống, thiết bị và làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành vi sinh.

- Nước thải nhà giặt và nước lọc từ hồ bơi: Nước thải giặt là được thu gom về bể trung hòa pH nhằm điều chỉnh pH trong nước, tránh ảnh hưởng đến hoạt động hệ thống phía sau, giảm tình trạng nổi bọt cho hệ thống. Nước hồ bơi được xử lý lọc, khử trùng liên tục; nước lọc thải bỏ hàng ngày không nhiều, trung bình từ 0,5 – 1 m³/ngày.

➤ **Nước thải từ nhà vệ sinh**

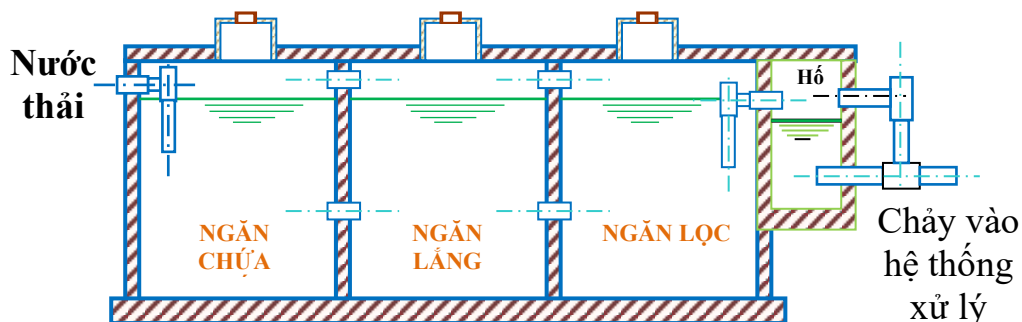
Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sau đó đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Khách sạn.

- Hầm tự hoại có dạng hình chữ nhật. Nước thải từ các khu vệ sinh thoát xuống hầm tự hoại và qua lần lượt các ngăn trong hầm, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy hầm. Thời gian lưu nước trong hầm dao động 3 - 6 tháng, cặn lắng sẽ bị phân hủy yếm khí trong ngăn yếm khí. Sau đó nước thải qua ngăn lắng

và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ được thuê xe hút chuyên dụng (loại xe hút hầm cầu).

- Trong mỗi hầm tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm chủ yếu của hầm tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao. Nước sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại sẽ theo ống dẫn chảy về hệ thống thu gom nước thải tập trung. Cấu tạo hầm tự hoại được trình bày trong hình.

Hình 3. 2: Cấu tạo hầm tự hoại



- Số lượng hầm tự hoại: 7 hầm.

- Thể tích: 2 hầm lớn: $V = \text{Dài} \times \text{Rộng} \times \text{Cao} = 10\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m} = 40 \text{ m}^3$.

5 hầm nhỏ: $V = \text{Dài} \times \text{Rộng} \times \text{Cao} = 6\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m} = 24\text{m}^3$.

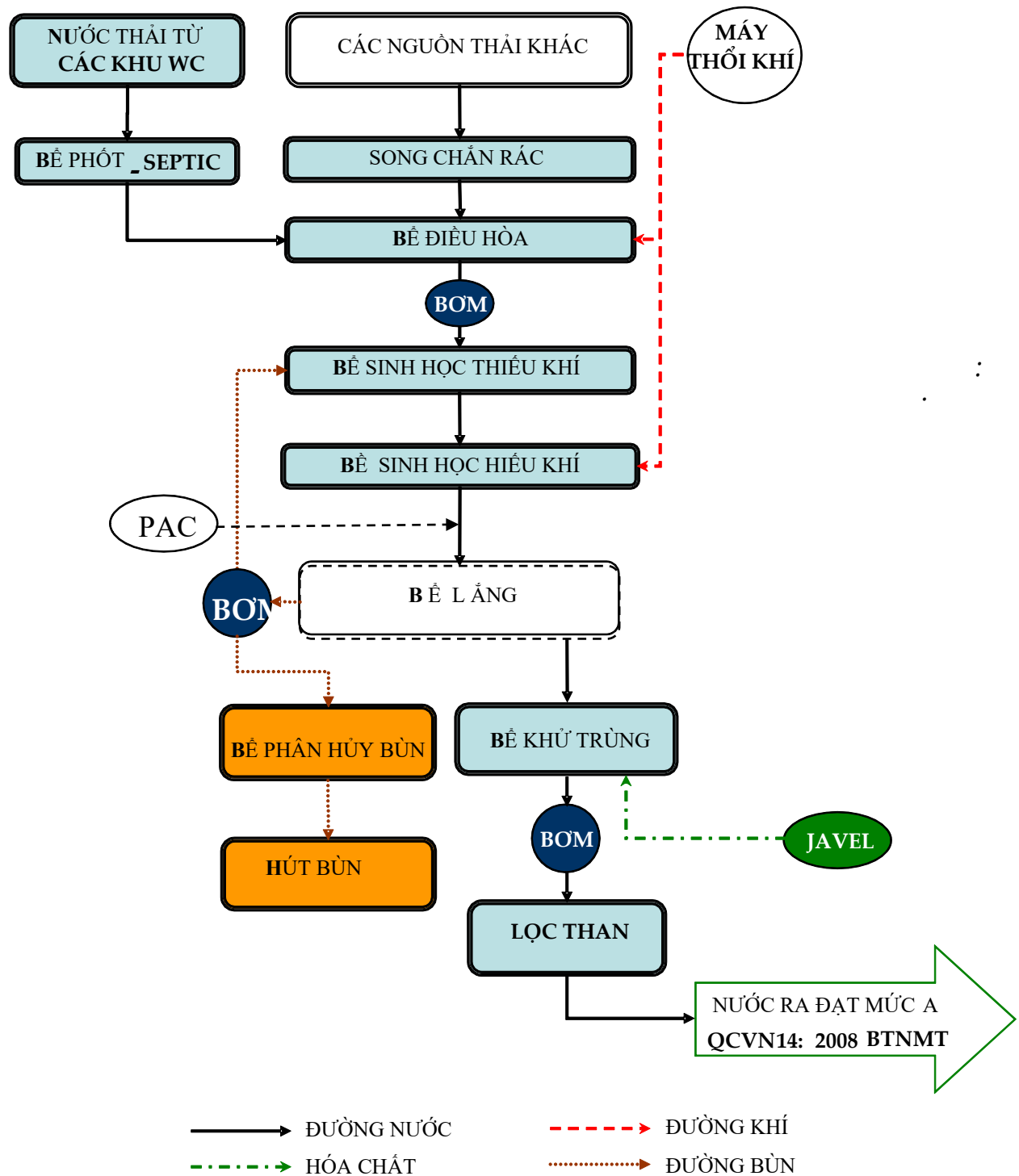
➤ Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Khách sạn có 2 hệ thống xử lý nước thải. Do tính chất địa hình và tính chất kinh doanh của khách sạn nên nước thải được chia làm 2 dòng thải và đưa về 2 hệ thống xử lý riêng biệt.

- Hệ thống xử lý nước thải 1: công suất $40\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; thu gom và xử lý nước thải tại Khu B: gồm khu dịch vụ, Massage, karaoke...

- Hệ thống xử lý nước thải 2: công suất $120\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; thu gom và xử lý nước thải Khu A gồm nước thải từ khối ngủ, nhà hàng, phòng hội nghị... và khu C gồm nước thải từ nhà giặt và nước lọc hồ bơi...

2 Hệ thống xử lý nước thải sử dụng công nghệ xử lý giống nhau.



Hình 3. 3: Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

*** Thuyết minh công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải:**

Nước thải phát sinh từ các hoạt động, nấu ăn, vệ sinh... tùy khu vực phát sinh sẽ được thu gom vào hệ thống ống ngầm và dẫn về hệ thống xử lý nước thải riêng biệt gần khu đó nhất (khu A,C vào HTXL nước thải công suất 120m³/ngày đêm; khu B vào HTXL nước thải công suất 40m³/ngày đêm). Trước khi vào hệ thống xử lý, nước thải sẽ được dẫn qua song chắn rác với cấu tạo đặc biệt của song chắn rác

những mảnh vụn, cặn bẩn có kích thước lớn lẫn trong nước sẽ được tách ra khỏi nước thải:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh sau xử lý yếm khí sẽ được đưa sang ngăn chứa nước trong và dẫn vào bể điều hòa

+ Nước thải từ khu vực nhà bếp của nhà hàng sẽ được đưa vào bể tách mỡ để loại bỏ dầu mỡ và váng nổi ra khỏi dòng nước. Sau đó, nước thải được đưa sang bể điều hòa. Tại bể này có bố trí thiết bị tách rác để loại bỏ rác có kích thước lớn ra khỏi dòng nước.

+ Các dòng nước thải khác trong khách sạn cũng được thu gom và đưa thẳng về bể điều hòa.

Bể điều hòa có chức năng điều hòa, ổn định lưu lượng và thành phần các chất ô nhiễm trước khi đưa qua công đoạn xử lý sinh học. Trong bể này có đặt 02 bơm nước thải (dạng ly tâm đặt chìm, 1 chạy 1 nghỉ) luân phiên bơm sang bể xử lý sinh học.

Bể xử lý sinh học, sử dụng công nghệ thiếu khí (Anoxic) kết hợp hiếu khí (Aerotan) để xử lý các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải. Tại khu vực bể sinh học thiếu khí - Anoxic các vi sinh vật thiếu khí sẽ phân huỷ Nitơ, Phốt pho và một phần chất hữu cơ có trong nước thải. Hệ thống phân phối khí dạng bọt thô được lắp đặt dưới đáy bể để tăng cường khả năng đảo trộn và tách bỏ khí N₂. Trong bể này, sử dụng đệm vi sinh cố định trong bể, các giá thể đệm này có tác dụng làm tăng diện tích tiếp xúc giữa vi sinh vật và nước thải đồng thời cố định và lưu giữ lại một phần bùn sinh học. Nước sau khi qua bể thiếu khí sẽ tự chảy sang bể sinh học hiếu khí.

Trong ngăn bể hiếu khí - Aerotan, nước thải được trộn đều với bùn hoạt tính tuần hoàn bằng hệ thống phân phối khí dạng bọt mịn được lắp đặt dưới đáy bể. Trong bể này xảy ra các phản ứng sinh hóa: vi sinh vật hiếu khí (bùn hoạt tính) sử dụng Oxy để Oxy hóa thức ăn (Các chất ô nhiễm trong nước thải) và dinh dưỡng (N, P) thành CO₂, nước và một phần tổng hợp thành tế bào vi sinh vật mới. Kết quả là nước thải sau xử lý được làm sạch. Oxy cung cấp cho quá trình được thực hiện bởi các máy thổi khí qua hệ thống phân phối khí dạng bọt mịn được lắp đặt dưới đáy bể.

Hỗn hợp nước – bùn vi sinh từ bể sinh học được đưa qua bể lắng thứ cấp, tại đây, dưới tác dụng của trọng lực, và chất keo tụ PAC được bơm vào làm tăng hiệu quả lắng của bùn được lắng xuống dưới đáy bể. Nước trong tràn ra ngoài từ máng thu trên bề mặt sang bể khử trùng. Tại bể khử trùng, nước thải sẽ được trộn đều với hóa chất NaClO cung cấp bởi hệ thống bơm định lượng, dưới tác dụng của dòng hóa chất này, các vi sinh vật nguy hại sẽ bị tiêu diệt. Sau khử trùng, nước thải được

bơm lọc qua bồn lọc than hoạt tính để loại bỏ triệt để các cặn lơ lửng. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008 BTNMT, cột A và thải ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của thành phố Mỹ Tho.

Bùn hoạt tính sinh ra trong quá trình xử lý hiếu khí sẽ được bơm tuần hoàn lại 1 phần, một phần bùn dư sẽ được bơm về ngăn chứa cặn của bể phốt, tại đây bùn tiếp tục được phân hủy để làm giảm dung tích chứa. Bùn đặc sau quá trình phân hủy bùn được lắng xuống đáy bể và định kỳ được bơm hút đi bởi xe chuyên dụng của Công ty môi trường đô thị.

Bảng 3. 1: Kích thước xây dựng của các bể trong hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên bể	Kích thước (m) D x R x C (m ³)	Vật liệu
I	Hệ thống xử lý nước thải 40 m³		
1	Hố ga thu nước	0,8 x 0,8 x 1,5	BTCT
2	Bể thu gom điều hòa	2,0 x 1,7 x 3,0	BTCT
3	Bể xử lý sinh học hiếu khí (2 bể)	2,4 x 1,5 x 3,0 2,4 x 1,7 x 3,0	BTCT
4	Bể lắng	1,7 x 1,7 x 3,05	BTCT
5	Bể khử trùng (2 bể)	1,7 x 0,5 x 3,0	BTCT
6	Bể trung gian	1,25 x 1,25 x 3,0	BTCT
7	Bể nén bùn	2,0 x 0,5 x 1,6	BTCT
II	Hệ thống xử lý nước thải 120 m³		
1	Hố ga thu nước	0,8 x 0,8 x 1,5	BTCT
2	Bể thu gom điều hòa	2,4 x 2,0 x 3,0	BTCT
3	Bể xử lý sinh học hiếu khí (4 bể)	2,0 x 2,0 x 3,0 3,0 x 1,8 x 3,0	BTCT
4	Bể lắng (2 bể)	2,0 x 2,0 x 3,75	BTCT
5	Bể khử trùng (2 bể)	2,0 x 0,8 x 3,0	BTCT
6	Bể trung gian	1,5 x 1,5 x 3,0	BTCT
7	Bể nén bùn	2,4 x 0,8 x 2,0	BTCT

Bảng 3. 2: Danh sách các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hệ thống xử lý nước thải 120 m³		
1	Song chắn rác	bộ	1
2	Bơm nước thải tại hồ thu (bơm chìm)	cái	3
3	Bơm bùn tuần hoàn bể lắng	cái	4
4	Bồn lọc áp lực	cái	2
5	Bơm định lượng hóa chất khử trùng và keo tụ	cái	4
6	Bơm nước thải tại hồ thu (bơm ngang)	cái	2
7	Máy thổi khí	cái	2
8	Bộ pha chế hóa chất	cái	2
9	Ống lắng - phân phối trung tâm bể lắng	bộ	2
10	Giá thể vi sinh bám	m ³	46
11	Hệ thống đường ống , van kỹ thuật	Hệ thống	1
12	Hệ thống điện điều khiển, tủ điện	Hệ thống	1
II	Hệ thống xử lý nước thải 40 m³		
1	Song chắn rác	bộ	1
2	Bơm nước thải tại hồ thu (bơm chìm)	cái	2
3	Đĩa phân phối khí	cái	
4	Máy cấp khí	cái	2
5	Bơm bùn thải nhúng chìm bể lắng	cái	2
6	Bồn pha dung dịch Chlorine và chất keo tụ PAC	cái	2
7	Bồn lọc áp lực	cái	2
8	Bơm định lượng hóa chất khử trùng và keo tụ	cái	2
9	Bơm nước thải tại hồ thu trực ngang	cái	2
10	Ống lắng - phân phối trung tâm bể lắng	bộ	2
11	Giá thể vi sinh bám	m ³	15,36
12	Hệ thống đường ống , van kỹ thuật	Hệ thống	1
13	Hệ thống điện điều khiển, tủ điện	Hệ thống	1

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

➤ Các nguồn phát sinh

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động phương tiện giao thông của khách, nhân viên, ra vào khách sạn và của các nhà cung cấp hàng hóa thiết yếu phục vụ cho hoạt động của khách sạn.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng;

- Khí thải và mùi phát sinh từ quá trình lên men kỵ khí các chất hữu cơ tại khu vực lưu chứa chất thải rắn;

- Mùi hôi phát sinh từ quá trình lên men kỵ khí các chất hữu cơ từ các đơn nguyên của hệ thống xử lý nước thải; phát tán sol khí từ hệ thống xử lý nước thải;

➤ Biện pháp xử lý bụi, khí thải

Các tác động của bụi, khí không đáng kể nên khách sạn thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

a. Khí bụi từ hoạt động giao thông trong khu vực khách sạn

- Bố trí cây xanh, thảm cỏ nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí tại bãi đỗ xe, phân khu dịch vụ du lịch, trồng cỏ, cây xanh hai bên đường giao thông; cải thiện cảnh quan khuôn viên Khách sạn.

- Thường xuyên phun, tưới nước đường nội bộ nhằm làm sạch bụi, lắp đặt hệ thống phun nước dạng tia tại các bãi cỏ, vườn hoa vừa tưới cây vừa đảm bảo độ ẩm và cải thiện vi điều kiện vi khí hậu tại khuôn viên khách sạn.

- Hướng dẫn, nhắc nhở nhân viên và du khách tắt máy xe khi vào khu vực sân bãi khách sạn.

b. Khí thải từ quá trình đun nấu

- Chỉ sử dụng nhiên liệu sạch như điện, khí gas.

- Lắp đặt hệ thống hút khói ở mỗi bếp nấu ăn.

- Bố trí khu nhà bếp thông thoáng nhưng cách ly với khu ăn uống, nghỉ dưỡng.

c. Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

- Bố trí máy phát điện tại khu vực riêng biệt;

- Khách sạn sử dụng máy phát điện có bộ lọc khói thải để hạn chế phát thải ra môi trường. Mặc khác do máy điện dự phòng không hoạt động thường xuyên, chỉ hoạt động khi bị cúp điện hoặc hệ thống điện của khách sạn gặp sự cố nên lượng hi thải ra không nhiều. Khách sạn lại có khuôn viên rộng rãi thông thoáng nên không ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

d. Mùi hôi từ khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại tại nguồn;

- Bố trí thùng rác có nắp đậy để tránh phát tán mùi hôi ra không khí;

- Chất thải rắn sinh hoạt không thể tái chế được thu gom thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý hàng ngày, không để tồn đọng

- Chất thải hữu cơ từ hoạt động của bếp ăn cũng được thu gom để đúng nơi quy định và lưu giữ trong phòng lạnh trước khi đem đi xử lý trong ngày; dùng làm thức ăn cho vật nuôi, không để qua đêm sẽ bị phân hủy gây mùi hôi thối;

- Sử dụng các chế phẩm vi sinh xử lý và hạn chế phát sinh mùi hôi. Các chế phẩm vi sinh này được phun trực tiếp vào các nguồn có khả năng phát sinh mùi hôi khi cần thiết;

- Thường xuyên vệ sinh, dội rửa khu tập kết chất thải

e. Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải

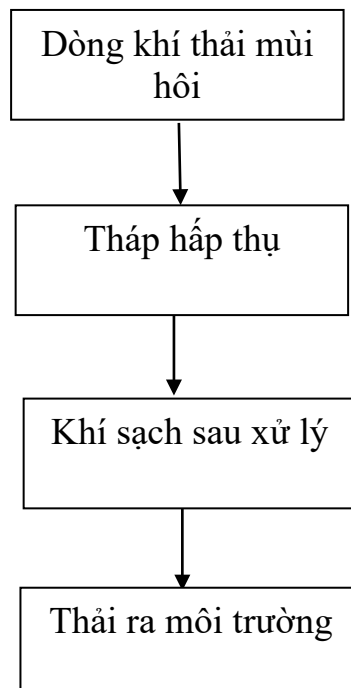
- Bố trí khu vực xử lý nước thải tập trung ở cuối hướng gió, phía sau khách sạn.

- Thường xuyên phun các chất sát khuẩn tại các nhà vệ sinh; thay thế các nắp cống hỏng, định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước để hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn thiết kế nhằm hạn chế tối đa việc phát sinh mùi hôi và sol khí;

- Lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý khí thải, mùi từ các hạng mục phát sinh trong HTXL nước thải của khách sạn Mê Kông.

Hình 3. 4: Quy trình hoạt động của hệ thống xử lý khí thải



➤ **Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý khí thải – tháp hấp thụ**

Nguyên tắc hoạt động của hệ thống xử lý khí là tháp hấp thụ và hấp phụ khí thải, tạo ra các phản ứng hóa học, làm chuyển hóa các khí ô nhiễm thành thành các hợp chất không ô nhiễm.

- Khí ô nhiễm mùi được đưa vào tháp hấp thụ qua ống dẫn khí và nhờ hệ thống quạt hút khí tạo áp suất âm trên toàn bộ đường ống. Khí sẽ đi vào tháp xử lý từ dưới lên, dàn phun nước được bố trí phía trên để tia nước dung dịch hỗn hợp hoá chất NaOH được phun dưới dạng sương từ trên xuống. Ở giữa có các lớp vật liệu tiếp xúc tạo điều kiện cho khí tiếp xúc với dung dịch hoá chất tạo ra các phản ứng hóa học làm sạch khí.

- Trên cùng của tháp bố trí một lớp tách nước để những tia nước bay lên sẽ đọng lại thành giọt và rơi xuống, hòa tan vào nước và đưa ra ngoài. Còn dung dịch hấp thụ thì được tuần hoàn liên tục trong quá trình sử dụng.

- Không khí sau khi xử lý được thải ra ngoài.

Bảng 3. 3: Danh sách các thiết bị trong hệ thống xử lý khí thải

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Tháp xử lý khí mùi hôi	bộ	1
2	Khoang hấp thụ	cái	3
3	Khoang hấp phụ	cái	1
4	Quạt hút ly tâm	cái	1
5	Bơm hấp thụ (bơm hóa chất loãng chịu ăn mòn)	cái	1
6	Hệ thống đường ống, van kỹ thuật	Hệ thống	1
7	Hệ thống tủ điện điều khiển và cáp điện	Hệ thống	1

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, từ hoạt động chế biến thức ăn phục vụ hoạt động kinh doanh của nhà hàng và khách sạn, dịch vụ,... sẽ hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho thu gom đem đi xử lý.

- Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý đã và đang thực hiện tại khách sạn như sau: Tại mỗi phòng trang bị 01 thùng rác bằng nhựa, dung tích 3 lít/thùng. Tại khu vực sảnh trung tâm trang bị 02 thùng chứa rác nhựa, dung tích 25 lít/thùng. Tại Khu vực bếp trang bị 04 thùng chứa dung tích 150 lít/thùng. Dọc đường đi bộ cứ 20 m bố trí 01 thùng rác dung tích 30 lít/thùng. Tất cả đều có nắp đậy.

Chất thải rắn sinh hoạt vô cơ như: lon nước ngọt, vỏ chai nước suối, thùng giấy carton... có thể tái chế sẽ được nhân viên vệ sinh tập trung vào 03 thùng chứa nhựa, dung tích 100 lít đặt trong kho với diện tích 15 m² và định kỳ bán phế liệu. Chất thải rắn không tái chế: như giấy vệ sinh, mảnh vỡ thủy tinh, vỏ các loại trái cây... được nhân viên vệ sinh thu gom vào 04 thùng chứa, dung tích 500 lít/thùng. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ tập kết đúng nơi quy định và chuyển giao cho đội thu gom rác thải của địa phương thu gom và vận chuyển xử lý đúng quy định. Đối với chất thải hữu cơ phát sinh từ hoạt động của bếp ăn như: thực phẩm dư thừa, vỏ các loại rau củ quả... được thu gom chứa vào 2 thùng 200 lít lưu giữ trong kho có máy lạnh để không bị oi, thiu gây mùi khó chịu; trong ngày sẽ cho người dân đến lấy dùng làm thức ăn cho gia súc.

b. Dầu mỡ sau khi qua bể tách dầu mỡ

Được Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Mỹ Tho tiến hành hút, vớt với thời gian không cố định mà tùy theo lượng mỡ phát sinh nhiều hay ít sẽ tiến hành hút bằng xe bồn và vận chuyển đem đi xử lý.

c. Đối với bùn dư từ hệ thống xử lý nước thải và bể tự hoại

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý theo quy định;

- Bùn thải từ hầm tự hoại: định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút 2 - 3 năm/lần và xử lý theo Điều 65 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của khách sạn bao gồm bóng đèn, giẻ lau dầu nhớt, pin,...

- Toàn bộ chất thải nguy hại được lưu chứa trong 5 thùng nhựa loại 220lít đặt tại kho tầng trệt diện tích 10 m² (kích thước dài 5m x rộng 2m), phía sau khu B, nền bê tông chống thấm.

- Lưu trữ tạm thời: Khu lưu trữ chất thải nguy hại có nền bằng bê tông, có mái che tránh chất thải nguy hại rò rỉ ra môi trường xung quanh. Việc lưu chứa chất thải nguy hại phải theo đúng quy định tại Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 68 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

+ Cách xa các khu nghỉ, khu dịch vụ... và lối đi;

+ Có đường dành cho xe chuyên chở từ bên ngoài đến ;

+ Có mái che, có hàng rào bảo vệ, có khóa. Không để súc vật, các loài gặm nhấm, côn trùng xâm nhập tự do;

- Thời gian lưu giữ không quá 01 năm kể từ thời điểm phát sinh chất thải

- Chất thải nguy hại: được quản lý và tuân thủ theo Điều 83 của Luật Bảo vệ

môi trường và Điều 68 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Khách sạn MêKông – Mỹ Tho có hợp đồng liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận Phú thực hiện các hoạt động sửa chữa thay thế tất cả vật tư, máy móc, thiết bị của khách sạn khi bị hư hỏng đồng thời thu gom đem đi xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh tại khách sạn. Thông tin đơn vị hợp đồng liên kết:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận Phú

Mã số thuế: 1200359782

Địa chỉ: Số 52, Ấp Tân Phú, Xã Tân Lý Tây, Huyện Châu Thành, Tiền Giang.

Đại diện pháp luật: NGUYỄN PHƯƠNG BÌNH

Điện thoại: 02733933933 - Fax: 0733831215

Ngày cấp giấy phép: 15/01/1999

Ngày hoạt động: 07/12/1998

Giấy phép kinh doanh: 1200359782

Ngoài ra, để quản lý tốt nguồn chất thải rắn, khách sạn thực hiện các biện pháp sau:

- Lập bản kê để theo dõi tình trạng lưu trữ chất thải;
- Phân công một cán bộ kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân loại, quản lý chất thải tại khách sạn.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn phát ra từ các phương tiện giao thông các trang thiết bị máy móc, các hoạt động kinh doanh của khách sạn. Tuy nhiên, do diện tích khuôn viên khách sạn khá rộng nên các nguồn gây ồn này không ảnh hưởng đến dân cư khu vực xung quanh khách sạn.

- Các phòng chức năng như nhà hàng, máy phát điện dự phòng được thiết kế với tường cách âm để đảm bảo độ ồn đạt quy định cho phép.

- Không diễn ra các hoạt động gây ồn sau 11 giờ đêm đến 8 giờ sáng hôm sau đúng theo quy định tại Nghị định 103/2009/NĐ- CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

- Khách sạn không sử dụng các máy móc, thiết bị có độ ồn cao làm ảnh hưởng đến môi trường sống của khu vực.

- Nhìn chung lượng khách đến khách sạn không tập trung và ở mỗi khu vực sẽ được gắn các bảng nhắc nhở “Giữ im lặng” nên mức độ ồn không lớn, đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ biển báo, thiết bị PCCC theo đúng yêu cầu của cơ quan chức năng. Thường xuyên kiểm tra các thiết bị này còn hoạt động tốt hay không, nếu không lập tức sửa chữa, hoặc thay mới.

- Thiết bị PCCC phải để nơi có khả năng gây cháy cao, thuận tiện cho việc sử dụng chúng khi cần thiết.

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình bao gồm: hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, hệ thống chữa cháy bằng các bình chữa cháy xách tay, nút nhấn khẩn, đèn báo cháy và còi báo động.

- Bể chứa nước phòng cháy chữa cháy luôn trong trạng thái đầy nước.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy, được huấn luyện để xử lý nhanh khi còi báo động vang lên, đồng thời hợp đồng liên kết với Công an PCCC khi sự cố xảy ra, lực lượng này sẽ đến ngay.

- Hệ thống điện phải lắp đặt đúng kỹ thuật an toàn về điện, có lắp đặt cầu chì, cầu dao tự động để kịp thời ngắt điện khi có sự cố xảy ra.

- Chỉ những công nhân được đào tạo về điện dân dụng, điện máy mới được phân công quản lý, vận hành và sửa chữa hệ thống các thiết bị điện.

- Các tủ điện phân phối phải được lắp đặt ở các vị trí khô, thoáng, có nắp hộp bảo vệ, thuận lợi cho việc sửa chữa và xử lý khi gặp sự cố.

- Các thiết bị điện trước khi đấu vào hệ thống điện phải được kiểm tra các thông số kỹ thuật, bảo đảm vận hành an toàn.

- Hệ thống các máy phát điện luôn trong trạng thái sẵn sàng hoạt động khi có sự cố mất điện xảy ra.

➤ Các biện pháp ứng cứu khi sự cố xảy ra

- Khi sự cố hỏa hoạn xảy ra phải cúp ngay cầu dao điện, một mặt dập chữa cháy bằng các phương tiện tại chỗ mặt khác phải báo ngay cho cảnh sát PCCC và chính quyền địa phương. Bên cạnh đó phải thông báo ngay cho khu vực lân cận để sơ tán.

- Gọi cấp cứu khi có người bị nạn số 115.

b. Sự cố vỡ rò rỉ, vỡ đường ống cấp nước

Đường ống dẫn nước có đường cách ly an toàn. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất. Không có bất kỳ các công trình xây dựng nào trên đường ống dẫn nước.

c. Đối với sự cố thang máy

- Vận hành và bảo trì thang máy thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Có đội kỹ thuật bảo trì sửa chữa hoạt động thang máy thường xuyên tại khu nhà, nhằm đảm bảo an toàn, kịp thời khi có sự cố về thang máy xảy ra. Thường xuyên bảo trì hệ thống nhằm đảm bảo an toàn.

- Khi gặp sự cố về thang máy, du khách thực hiện các bước sau:

+ Nhấn nút chuông báo động màu đỏ trong thang máy.

+ Liên lạc với bộ phận tiếp tân hoặc người bên ngoài để báo cho tiếp tân.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nước thải từ nhà vệ sinh
 - + Nước thải nhà bếp
 - + Nước thải từ nhà giặt và nước lọc hồ bơi
- Dòng nước thải: Khách sạn có 02 dòng nước thải đề nghị cấp phép là dòng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ ngày đêm.

được xả vào hệ thống công thoát nước chung của thành phố Mỹ Tho.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nồng độ thông số chất ô nhiễm trong nước thải được phép xả thải: không vượt quá giá trị tối đa cho phép $C_{max} = C \times K$ với $K=1$; giá trị C được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A. Đối với thông số Clo dư giá trị $C_{max} = C$, giá trị C được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

Bảng 4. 1: Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm xin cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT - cột A, $C_{max}=C \times K$	QCVN 40:2011/BTNMT - cột A, $C_{max}=C$
1	pH	-	5 - 9	-
2	BOD ₅ (20°C)		30	-
3	TSS	mg/L	50	-
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500	-
5	Sunfua	mg/L	1	-
6	Amoni	mg/L	5	-
7	Nitrat	mg/L	30	-
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10	-
9	Tổng các chất hoạt	mg/L	5	-

	động bề mặt			
10	Photphat (PO_4) ³⁻ (tính theo P)	mg/L	6	-
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	-
12	Clo dư *	mg/L	-	1,0

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + Nguồn nước tiếp nhận nước thải: hệ thống cống thoát nước chung của thành phố Mỹ Tho trên đường Lê Thị Hồng Gấm.
- + Vị trí nơi xả nước thải: tại đường Lê Thị Hồng Gấm, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- + Tọa độ vị trí xả thải (VN 2000), 105^o45', múi chiều 30:
 - Hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm:
 - X1: 1144592; Y1: 567081
 - Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm:
 - X2: 1144654; Y2: 567086
- + Phương thức xả nước thải: tự chảy theo đường ống nhựa dài khoảng 10m, đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khách sạn.
- + Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ ngày đêm.
- Tổng lưu lượng xả nước thải: 160 m³/ngày đêm, bao gồm 02 hệ thống xử lý nước thải lưu lượng 40 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải lưu lượng 120 m³/ngày đêm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Không có.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2021, 2022 của Khách sạn MêKông – Mỹ Tho được tổng hợp trong 2 bảng sau:

Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm năm 2021, 2022

Stt	Thông số	Đơn vị	3/2021	1/2022	QCVN 14:2008/BTNMT - cột A, C _{max} =C _x K (K=1)
1	pH	-	6,70	6,69	5 - 9
2	BOD ₅ 20°C)	-	18,0	18,0	30
3	TSS	mg/L	5,0	6,0	50
4	TDS	mg/L	330,0	230	500
5	Sunfua	mg/L	KPH (MDL=0,05)	KPH	1
6	Amoni	mg/L	KPH (MDL=0,25)	0,71	5
7	Nitrat	mg/L	10,6	9,84	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	KPH (MDL=0,30)	KPH	10
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,11	0,087	5
10	Photphat (PO ₄) ³⁻ (tính theo P)	mg/L	1,31	2,35	6
11	Coliforms	MPN/100 ml	2,8x10 ²	2,8x10 ³	3,000
12	Clo dư *	mg/L	0,53	KPH	1,0

Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm năm 2021, 2022

Stt	Thông số	Đơn vị	3/2021	1/2022	QCVN 14:2008/BTNMT - cột A, C _{max} =CxK (K=1)
1	pH	-	6,40	6,62	5 - 9
2	BOD ₅ 20°C)	-	20,0	16	30
3	TSS	mg/L	25,3	27	50
4	TDS	mg/L	390,0	240	500
5	Sunfua	mg/L	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	1
6	Amoni	mg/L	2,33	0,75	5
7	Nitrat	mg/L	16,3	9,96	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	KPH (MDL=0,30)	2,39	10
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,21	KPH	5
10	Photphat (PO ₄) ³⁻ (tính theo P)	mg/L	2,90	2,39	6
11	Coliforms	MPN/100ml	14	2,3x10 ³	3,000
12	Clo dư *	mg/L	KPH (MDL=0,50)	0,53	1,0

Nguồn: Công ty cổ phần du lịch MêKông – Mỹ Tho, 2021-2022.

Nhận xét: Từ Bảng 5.1, và 5.2 kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý qua các kỳ quan trắc năm 2021 – 2022 của cả 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Khách sạn Mêkông – Mỹ |Tho đều nằm trong giới hạn cho phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Không có.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Không có

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Khách sạn hoạt động ổn định, được cấp Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và giấy phép xả thải của hệ thống xử lý nước thải của toàn khách sạn không có sự thay đổi trong các công trình xử lý chất thải nói chung và hệ thống xử lý nước thải nói riêng nên không có kế hoạch thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

➤ Quan trắc nước thải

- Vị trí giám sát: 2 vị trí.

- Vị trí (NT1): nước thải tại điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ ngày đêm vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Vị trí (NT2): nước thải tại điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ ngày đêm vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliforms và Clo dư.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A).

➤ Quan trắc môi trường không khí xung quanh

Do trong quá trình hoạt động tại dự án không phát sinh phóng xạ nên không cần giám sát môi trường xung quanh trong giai đoạn hoạt động.

➤ Quan trắc chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại

- Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng và thành phần (chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường)

- Giám sát lượng chất thải nguy hại: khối lượng, thành phần tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Cách thức giám sát: tự giám sát và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không có

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của Khách sạn Mê Kông – Mỹ Tho, dự kiến khoảng 8.000.000 đồng/năm (tám triệu đồng).

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo (năm 2021 và 2020) không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với Khách sạn Mê Kông – Mỹ Tho.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chúng tôi, Khách sạn Mê Kông – Mỹ Tho xin đảm bảo độ trung thực của các thông tin và nội dung đã nêu trong báo cáo.

- Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

- Cam kết hoàn thành các công trình xử lý và bảo vệ môi trường, báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận trước khi đi vào hoạt động chính thức;

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý, xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường:

+ Về tiếng ồn: đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, đảm bảo không ảnh hưởng đến người dân xung quanh khu vực Dự án.

+ Về bụi, khí thải đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ Về chất thải rắn thông thường được quản lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/1/2022 Quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường;

+ Về chất thải nguy hại sẽ được thu gom, quản lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/1/2022 Quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường;

+ Về nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt cột A, $C_{\max}=C_xK$ ($K=1$); trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh thì chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành và sẽ chịu chi phí bồi thường thiệt hại do sự cố của Khách sạn Mê Kông – Mỹ Tho gây ra.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;
2. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
3. Bản sao Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt;
4. Bản sao Hợp đồng nạo vét và vận chuyển bùn hồ ga;
5. Bản sao phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường;
6. Bản sao Giấy phép xả thải;
7. Bản sao Giấy phép xây dựng;
8. Sơ đồ bố trí các khu chức năng;
9. Sơ đồ 02 vị trí xả thải;
10. Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
11. Bản sao Các phiếu kết quả quan trắc môi trường;
12. Bản sao bản vẽ sơ đồ công nghệ xử lý nước thải công suất 120m³ ngày đêm;
13. Bản sao bản vẽ sơ đồ công nghệ xử lý nước thải công suất 40m³ ngày đêm;
14. Sơ đồ nguyên lý xử lý mùi hôi trạm xử lý nước thải;
15. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa tổng thể;
16. Bản vẽ mặt bằng thoát nước sinh hoạt tổng thể.